

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2021
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Quới

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2021/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Hồng C, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Chị Ngô Thị Thanh T, sinh năm 1994. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M1, xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 12/01/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Hồng C trình bày: Anh và chị Ngô Thị Thanh T thành hôn năm 2010 và có đăng ký kết hôn ngày 05/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 2/2017 đến nay. Anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Ngô Thị Thanh T. Về con chung anh và chị T có 02 con chung tên Trần Văn Long D, sinh ngày 29/5/2011 và Trần Thị M sinh ngày 15/4/2014 hiện đang sống chung với anh. Anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không

yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn là chị Ngô Thị Thanh T. Đồng thời triệu tập các đương sự đến tham gia phiên hoà giải nhiều lần nhưng phía chị T không trình bày ý kiến bằng văn bản gởi cho Tòa án. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập các đương sự đến tham gia phiên tòa .

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Trần Hồng C giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Bị đơn chị Ngô Thị Thanh T vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện cơ bản đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn không gởi văn bản trình bày ý kiến, không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải phiên tòa là vi phạm Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Hồng C. Xử cho anh Trần Hồng C được ly hôn với chị Ngô Thị Thanh T.

- Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Trần Văn Long D, sinh ngày 29/5/2011 và Trần Thị M sinh ngày 15/4/2014 cho anh Trần Hồng C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Đề nghị buộc anh Trần Hồng C có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn chị Ngô Thị Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2, Điều 227,

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Anh Trần Hồng C và chị Ngô Thị Thanh T thành hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện T2, tỉnh Vĩnh Long ngày 05/3/2012 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Quá trình chung sống anh Trần Hồng C trình bày vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi và đã cắt đứt quan hệ từ tháng 2/2017 đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy: quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị T có xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng đã tự cắt đứt quan hệ từ tháng 2/2017 đến nay vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập anh C, chị T nhiều lần đến tham gia hòa giải nhằm giúp đỡ vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, chị T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn anh Trần Hồng C là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Giữa anh Trần Hồng C và chị Ngô Thị Thanh T có 02 con chung là Trần Văn Long D, sinh ngày 29/5/2011 và Trần Thị M, sinh ngày 15/4/2014 hiện đang sống chung với anh C, anh C yêu cầu tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử nhận thấy: Sau khi thụ lý vụ án, chị T đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và các văn bản tố tụng của Tòa án, chị T không có ý kiến gì về việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Mặc khác, từ khi anh C, chị T chấm dứt quan hệ vợ chồng cháu D và cháu M do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, các cháu phát triển bình thường và cháu D, cháu M có nguyện vọng sống chung với cha. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Văn Long D, sinh ngày 29/5/2011 và Trần Thị M, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Trần Hồng C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh Trần Hồng C là người đang trực tiếp nuôi con nhưng anh C không yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét việc cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn anh Trần Hồng C và bị đơn chị Ngô Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Trần Hồng C có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Hồng C được ly hôn với chị Ngô Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Văn Long D, sinh ngày 29/5/2011 và Trần Thị M, sinh ngày 15/4/2014 cho anh Trần Hồng C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Ngô Thị Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn anh Trần Hồng C có nghĩa vụ nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0016665 ngày 12/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, anh C đã nộp đủ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Ủy ban nhân dân xã T1 (GCNKH số 32, QS I, ngày 05/3/2012;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga